

Số: 07/2024/QĐST-KDTM

Tiên Du, ngày 03 tháng 4 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU, TỈNH BẮC NINH**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 3 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 25/2024/TLST-KDTM ngày 02 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 3 năm 2024 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH N

Địa chỉ trụ sở: Tầng A, số B, phố T, phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Lê Thị Phương H** ông **Trần Quốc Đ** chỉ liên lạc: Số A phố T, phường D, quận C, thành phố Hà Nội (Giấy ủy quyền số: 01/2024/UQ-PLC.NĐ ngày 08/01/2024 của Công ty TNHH N

Bị đơn: Công ty Cổ phần B

Địa chỉ trụ sở: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông **Lê Văn C** năm 1982 – Chức danh: Giám đốc; địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Công ty Cổ phần B và Công ty TNHH N1 nhận có ký kết Hợp đồng mua bán nhựa đường số 92-2019/PAC-VPCTy ngày 29/11/2019 và các phụ lục đính kèm.

2.2. Đến ngày 26/3/2024, Công ty Cổ phần B1 nhận còn nợ Công ty TNHH N2 cộng nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 26/3/2024 là 1.627.052.701 đồng (trong đó: Nợ gốc là 1.263.157.150 đồng, lãi chậm thanh toán là 363.859.551 đồng)

2.3. Công ty TNHH N3 miễn toàn bộ tiền lãi chậm thanh toán nếu Công ty Cổ phần B2 đầy đủ số tiền nợ gốc là 1.263.157.150 đồng theo đúng lộ trình đã thỏa thuận như sau:

- Ngày 10/5/2024: Công ty Cổ phần B trả cho Công ty TNHH N4 tiền là 25.000.000 đồng.

- Ngày 10/6/2024: Công ty Cổ phần B3 cho Công ty TNHH N4 tiền là 25.000.000 đồng.

- Ngày 10/7/2024: Công ty Cổ phần B3 cho Công ty TNHH N4 tiền là 25.000.000 đồng.

- Ngày 10/8/2024: Công ty Cổ phần B3 cho Công ty TNHH N4 tiền là 25.000.000 đồng.

- Ngày 10/9/2024: Công ty Cổ phần B3 cho Công ty TNHH N4 tiền là 50.000.000 đồng.

- Ngày 10/10/2024: Công ty Cổ phần B3 cho Công ty TNHH N4 tiền là 50.000.000 đồng.

- Ngày 10/11/2024: Công ty Cổ phần B3 cho Công ty TNHH N4 tiền là 50.000.000 đồng.

- Ngày 10/12/2024: Công ty Cổ phần B3 cho Công ty TNHH N4 tiền là 50.000.000 đồng.

- Ngày 10/01/2025: Công ty Cổ phần B3 cho Công ty TNHH N4 tiền là 60.000.000 đồng.

- Ngày 10/02/2025: Công ty Cổ phần B3 cho Công ty TNHH N4 tiền là 60.000.000 đồng.

- Ngày 10/3/2025: Công ty Cổ phần B3 cho Công ty TNHH N4 tiền là 60.000.000 đồng.

- Ngày 10/4/2025: Công ty Cổ phần B3 cho Công ty TNHH N4 tiền là 60.000.000 đồng.

- Từ ngày 10/5/2025 đến ngày 10/12/2025: Công ty Cổ phần B3 cho Công ty TNHH N5 tháng số tiền là 80.000.000 đồng.

- Ngày 10/01/2026: Công ty Cổ phần B3 cho Công ty TNHH N4 tiền còn lại là 83.157.150 đồng.

2.4. Trường hợp Công ty Cổ phần B4 bất kỳ tháng thanh toán nào theo thỏa thuận nêu trên thì Công ty TNHH N6 quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền buộc Công ty Cổ phần B5 thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi chậm thanh toán đến ngày 26/3/2024. Kể từ ngày 27/3/2024, Công ty Cổ phần B6 phải chịu tiền lãi suất là 1%/tháng (tương đương 12%/năm) cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

2.5. Về án phí: Công ty Cổ phần B7 chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 24.947.357 đồng (Hai mươi tư triệu chín trăm bốn mươi bảy ngàn ba trăm năm mươi bảy đồng). Hoàn trả lại cho Công ty TNHH N4 tiền 29.926.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu ký hiệu số: BLTU/23; số 0001287 ngày 02/02/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Du;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

THẨM PHÁN

Trần Văn Quang